

# La Mã thiết lập tầm nhìn - Số sáu

*Những tranh cãi về lời tiên tri trong lịch sử Cơ Đốc Phục Lâm: Tìm hiểu mâu thuẫn giữa Uriah Smith và James White về Đa-ni-ên 11:36*

Jeff Pippenger

2024-08-14

Chúng tôi đang xem xét sáu chủ đề tranh cãi về lời tiên tri đã diễn ra trong lịch sử Cơ Đốc Phục Lâm từ năm 1798 cho đến ngày nay.

Trong lịch sử và lời tiên tri, Lời của Đức Chúa Trời khắc họa cuộc xung đột kéo dài giữa lẽ thật và sai lầm. Cuộc xung đột ấy vẫn đang tiếp diễn. Những điều đã xảy ra sẽ được lặp lại. Các cuộc tranh luận cũ sẽ được khơi dậy, và những học thuyết mới sẽ liên tục nảy sinh. Nhưng dân sự của Đức Chúa Trời, những người trong niềm tin và qua sự ứng nghiệm của lời tiên tri đã góp phần vào việc rao truyền sứ điệp của các thiên sứ thứ nhất, thứ hai và thứ ba, biết rõ chỗ đứng của mình. Họ có một kinh nghiệm quý giá hơn cả vàng ròng. Họ phải đứng vững như đá tảng, giữ vững sự tin chắc ban đầu cho đến cuối cùng. Những Sứ Điệp Tuyển Chọn, quyển 2, 109.

Bài viết trước đã bàn đến cuộc tranh luận đầu tiên và cuối cùng về quyền lực La Mã, và giờ đây chúng ta sẽ xét đến cuộc tranh luận diễn ra giữa Uriah Smith và James White. Uriah Smith đã đưa “cách giải thích riêng” của mình vào câu 36.

CÂU 36. Vua sẽ làm theo ý mình; người sẽ tự tôn mình và tự đề cao mình trên mọi thần, sẽ nói những điều lạ lùng nghịch cùng Đức Chúa Trời của các thần, và sẽ thịnh đạt cho đến khi con phần nô được hoàn tất; vì điều đã định ắt sẽ xảy ra.

"Vị vua được giới thiệu ở đây không thể chỉ về cùng một quyền lực đã được nói đến trước đó; tức là quyền lực giáo hoàng; vì các đặc điểm mô tả sẽ không phù hợp nếu áp dụng cho quyền lực ấy." Uriah Smith, Đa-ni-ên và Khải Huyền, tr. 292.

Smith thừa nhận rằng quyền lực ở câu trước đó là “Rôma giáo hoàng”, nhưng cho rằng các đặc điểm của câu ba mươi sáu không phải là những đặc điểm tiên tri dùng để nhận diện Rôma giáo hoàng. Lập luận đó là sai. Cần nhớ rằng trong sự phản nghịch năm 1863, “bảy lần” của Lê-vi Ký đoạn 26 đã bị gạt sang một bên, và do đó sự trình bày “bảy lần” trên cả hai bảng của Ha-ba-cúc đã bị bác bỏ. Cả các bảng biểu năm 1843 và 1850 đều minh họa “bảy lần” ngay ở trung tâm của các bảng biểu, và cả hai hình minh họa đều đặt thập tự giá ở chính giữa đường thời gian của “bảy lần”. Khi “ánh sáng mới” về “bảy lần” đến vào năm 1856 và sau đó bị khước từ, điều đó đánh dấu sự khước từ hai bảng của Ha-ba-cúc, và cả thẩm quyền của Thần Linh của Lời Tiên Tri, Đấng đã khẳng định một cách rất rõ ràng rằng cả hai bảng biểu ấy đều do Đức Chúa Trời hướng dẫn.

Theo bà White, sự lừa dối cuối cùng của Sa-tan là làm cho lời chứng của Thánh Linh của Đức Chúa Trời trở nên vô hiệu, và ở đây sự lừa dối đầu tiên cũng là làm cho lời chứng của Thánh Linh của Đức Chúa Trời trở nên vô hiệu, và điều đó còn đồng thời thể hiện sự khước từ các lẽ thật nền tảng trên hai biểu đồ, cụ thể hơn là bảy thời kỳ.

Trong cuộc phản loạn năm 1863, chính Uriah Smith đã tạo ra tấm biểu đồ giả mạo năm 1863, trong đó loại bỏ dòng “bảy thời kỳ”. Đến năm 1863, Uriah Smith đã nhắm mắt trước ánh sáng về “bảy thời kỳ” và không còn nhận ra rằng có hai “con phần nộ” mà Đa-ni-ên xác định. Hai con phần nộ này tượng trưng cho “bảy thời kỳ” giáng trên vương quốc phía bắc của Israel và vương quốc phía nam của Giu-đa. Con thứ nhất chống lại mười chi phái miền bắc bắt đầu vào năm 723 TCN và kết thúc vào năm 1798, còn con thứ hai bắt đầu vào năm 677 TCN và kết thúc vào năm 1844.

Gabriel đã đến với Daniel trong chương tám để giải thích khái tượng Marah, và liên quan đến công việc của mình, ông đã đưa ra một sự xác nhận thứ hai cho năm 1844. Hai nghìn ba trăm năm ở chương tám sách Daniel kết thúc vào năm 1844, và đồng thời con thịnh nộ thứ hai trong hai con thịnh nộ chống lại các vương quốc phía bắc và phía nam cũng chấm dứt.

Và người nói: Này, ta sẽ cho người biết điều sẽ xảy ra vào kỳ cuối cùng của con thịnh nộ; vì đến kỳ đã định thì sự cuối cùng sẽ đến. Daniel 8:19.

Kết cục sau cùng hàm ý rằng phải có một kết cục đầu tiên. Con thịnh nộ sau cùng trong hai con thịnh nộ, vốn chỉ là một cách diễn đạt khác của bảy lần, kết thúc vào năm 1844, và con thịnh nộ thứ nhất kết thúc vào năm 1798. Câu mà Smith cho rằng không nêu ra đặc điểm nào của quyền lực giáo hoàng đã xác định năm mà chế độ giáo hoàng sẽ nhận vết thương chí tử.

Và vua sẽ làm theo ý riêng mình; người sẽ tự tôn mình và tự cao hơn mọi thần, và sẽ nói những lời lạ lùng nghịch cùng Đức Chúa Trời của các thần; người sẽ thịnh vượng cho đến khi con thịnh nộ được hoàn tất; vì điều đã định tất sẽ xảy ra. Đa-ni-ên 11:36.

“Vua” ở câu ba mươi sáu sẽ “thịnh vượng cho đến khi con phần nộ được hoàn tất”. Hãy chú ý điều Smith viết về Đa-ni-ên chương tám, các câu hai mươi ba và hai mươi bốn trong cùng cuốn sách mà ông cho rằng quyền lực giáo hoàng không có các đặc điểm thích hợp để ứng nghiệm câu ba mươi sáu.

Câu 23. Vào thời kỳ cuối của vương quốc họ, khi những kẻ phạm pháp đã đến mức đầy trọn, một vua có vẻ mặt dữ tợn và hiểu các lời lẽ tối nghĩa sẽ trỗi dậy. 24. Quyền lực của người sẽ rất mạnh, nhưng chẳng phải bởi sức riêng mình; người sẽ hủy diệt cách lạ lùng, sẽ thịnh vượng, sẽ hành động, và sẽ tiêu diệt những kẻ quyền thế cùng dân thánh. 25. Nhờ mưu lược của mình, người cũng sẽ khiến sự xáo quyết thành công trong tay mình; người sẽ tự tôn trong lòng, và đang khi hòa bình sẽ diệt nhiều người; người cũng sẽ đẩy lên nghịch cùng Vị Hoàng tử của các hoàng tử; nhưng sẽ bị bẻ gãy, chẳng phải bởi tay người.

Quyền lực này kế tục bốn phân chia của vương quốc con dê vào thời kỳ cuối của vương quốc họ, tức là gần lúc kết thúc sự nghiệp của họ. Dĩ nhiên, đó cũng chính là cái sừng nhỏ ở câu 9 trở đi. Áp dụng điều đó cho La Mã, như đã trình bày trong phần nhận xét về câu 9, thì mọi điều sẽ hài hòa và rõ ràng.

'Một vua có dung mạo hung dữ.' Môi-se, khi dự báo hình phạt sẽ giáng trên người Do Thái bởi chính quyền lực này, gọi nó là 'một dân có dung mạo hung dữ.' Phục Truyền Luật Lệ Ký 28:49, 50. Không có dân nào khi dàn trận lại có vẻ đáng gờm hơn người La Mã. 'Thông hiểu những câu tối nghĩa.' Môi-se, trong đoạn Kinh Thánh vừa nhắc đến, nói: 'Tiếng nói của chúng mà

người sẽ không hiểu.' Điều này không thể nói về người Ba-by-lôn, Ba Tư, hay Hy Lạp, đối với người Do Thái; vì các ngôn ngữ Canh-đê và Hy Lạp đã được dùng ở Pa-lét-tin ở mức độ ít nhiều. Tuy nhiên, điều ấy lại không đúng với tiếng La-tinh.

"Khi những kẻ phạm tội đã đến mức tội cùng." Xuyên suốt, mối liên hệ giữa dân của Đức Chúa Trời và những kẻ áp bức họ luôn được lưu tâm. Chính vì những sự phạm tội của dân Ngài mà họ đã bị bán vào cảnh lưu đày. Và việc họ tiếp tục ở trong tội lỗi khiến họ phải chịu hình phạt nghiêm khắc hơn. Chưa từng có lúc nào người Do Thái suy đồi đạo đức, với tư cách một dân tộc, hơn thời kỳ họ ở dưới quyền cai trị của người La Mã.

"Mạnh mẽ, nhưng không phải bởi quyền lực của chính mình.' Thành công của người La Mã phần lớn là nhờ sự hỗ trợ của các đồng minh và những chia rẽ trong hàng ngũ kẻ thù của họ, những điều mà họ luôn sẵn sàng lợi dụng. Giáo triều Rôma cũng hùng mạnh nhờ các quyền lực thế tục chịu sự kiểm soát tinh thần của bà."

'Nó sẽ hủy diệt một cách lạ lùng.' Chúa đã phán với người Do Thái qua tiên tri Ê-xê-chi-ên rằng Ngài sẽ phó họ vào tay những kẻ 'thành thạo trong việc hủy diệt;' và cuộc tàn sát một triệu một trăm nghìn người Do Thái khi Giê-ru-sa-lem bị quân La Mã tàn phá là một sự xác nhận khủng khiếp cho lời của vị tiên tri. Và La Mã trong giai đoạn thứ hai, tức giai đoạn giáo hoàng, phải chịu trách nhiệm về cái chết của năm mươi triệu vị tử đạo.

"Và nhờ chính sách của mình, kẻ ấy cũng sẽ làm cho sự xảo quyệt thịnh vượng trong tay mình.' La Mã đã nổi bật hơn mọi quyền lực khác bởi một chính sách xảo quyệt, nhờ đó La Mã đưa các dân tộc vào dưới sự kiểm soát của mình. Điều này đúng với cả La Mã ngoại giáo lẫn La Mã giáo hoàng. Và như thế, bằng sự hòa bình, La Mã đã hủy diệt nhiều người."

Và cuối cùng, La Mã, thông qua một trong các tổng đốc của mình, đã đứng lên chống lại Chúa của các chúa bằng cách kết án tử hình Chúa Giê-su Christ. "Nhưng nó sẽ bị bẻ gãy không bởi tay người", một cách nói đồng nhất sự hủy diệt của quyền lực này với việc đập nát pho tượng ở chương 2. Uriah Smith, Đa-ni-ên và Khải Huyền, 202–204.

Smith, hai lần trong đoạn văn, xác định rằng các đặc điểm tiên tri của La Mã ngoại giáo và La Mã giáo hoàng có thể hoán đổi cho nhau, vì chúng đơn giản chỉ là sự biểu hiện của La Mã trong hai giai đoạn của nó, như sự pha trộn giữa sắt và đất sét trong Daniel chương hai, mà Bà White xác định là những biểu tượng của giáo quyền và thế quyền. Khi Daniel nêu trong các câu mà Smith đang bàn — rằng La Mã "sẽ thịnh vượng và hành động," và rằng La Mã "sẽ khiến mưu kế thành công trong tay mình," — Smith cho rằng trong câu ba mươi sáu, "vua" "sẽ thịnh vượng cho đến khi con phần nô được hoàn tất," nêu lên một đặc điểm tiên tri của cả La Mã ngoại giáo và La Mã giáo hoàng. Rồi ông khẳng định rằng không đặc điểm nào của La Mã trong câu ba mươi sáu đề cập đến quyền lực giáo hoàng.

Chúng tôi đã viện dẫn Smith để ủng hộ việc xác định rằng La Mã là những kẻ cướp lập nên khái tượng, và một trong bốn đặc điểm tiên tri ở câu mười bốn là La Mã tự tôn mình.

Trong thời ấy sẽ có nhiều người đứng lên chống lại vua phương nam; cả những kẻ cướp trong dân người cũng sẽ tự tôn mình lên để làm cho khái tượng được ứng nghiệm; nhưng rồi chúng sẽ thất bại. Đa-ni-ên 11:14.

Smith cho rằng những mô tả về vị vua trong câu ba mươi sáu không khớp với quyền lực giáo hoàng, dù trước đó ông đã lập luận rằng chính Rô-ma trong câu mười bốn tự tôn mình lên. Thế nhưng vị vua trong câu ba mươi sáu “sẽ tự tôn mình lên.” Chính vị vua ấy trong câu ba mươi sáu sẽ “nói những điều lạ lùng nghịch cùng Đức Chúa Trời của các thần.” Trong sách Đa-ni-ên, quyền lực giáo hoàng “sẽ nói những lời lớn lao nghịch cùng Đấng Rất Cao,” và trong sách Khải Huyền quyền lực giáo hoàng phạm thượng nghịch cùng Đấng Rất Cao.

Và người ta ban cho nó một miệng nói những điều lớn lao và những lời phạm thượng; và quyền lực cũng được ban cho nó để hoạt động bốn mươi hai tháng. Nó mở miệng phạm thượng nghịch cùng Đức Chúa Trời, để phạm thượng đến danh Ngài, đền tạm của Ngài, và những kẻ cư ngụ trên trời. Khải Huyền 13:5-6.

Mọi đặc điểm tiên tri về quyền lực Giáo hoàng đều được xác định trong câu ba mươi sáu.

Và vua sẽ làm theo ý riêng mình; người sẽ tự tôn mình và tự cao hơn mọi thần, và sẽ nói những lời lạ lùng nghịch cùng Đức Chúa Trời của các thần; người sẽ thịnh vượng cho đến khi cơn thịnh nộ được hoàn tất; vì điều đã định tất sẽ xảy ra. Đa-ni-ên 11:36.

Các nhà chú giải nhiều khi không đáng tin cậy, nhưng nhiều nhà chú giải Cơ Đốc Phục Lâm làm chứng cho chân lý hiển nhiên rằng chính câu ba mươi sáu đã được sứ đồ Phao-lô diễn ý lại trong II Tê-sa-lô-ni-ca, khi ông đề cập đến con người tội ác.

Đừng để ai lừa dối anh em bằng bất cứ cách nào; vì ngày ấy sẽ không đến, nếu trước hết không xảy ra sự bội đạo, và người tội ác được bày tỏ, tức con của sự hư mất; kẻ chống đối và tự tôn mình lên trên hết mọi sự được gọi là Đức Chúa Trời, hoặc được thờ phượng; đến nỗi nó ngồi trong đền thờ của Đức Chúa Trời như là Đức Chúa Trời, tự tỏ mình là Đức Chúa Trời. 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:2, 3.

Câu ba mươi sáu nói rằng “hắn sẽ tự tôn cao mình, và tôn mình lên trên mọi vị thần,” và Phao-lô nói “người của tội lỗi sẽ được bày tỏ, con của sự hư mất; kẻ chống đối và tôn mình lên trên hết thấy những gì được gọi là Đức Chúa Trời, hoặc được thờ phượng.” Rõ ràng Smith không có thẩm quyền tiên tri để khẳng định rằng vị vua ở câu ba mươi sáu khác với vị vua đang được bàn đến trong các câu dẫn đến câu ba mươi sáu. Về mặt ngữ pháp, ông không có cơ sở nào cho cách áp dụng sai lầm ấy, và lời ông nói rằng mình làm như vậy vì câu ba mươi sáu không có đặc điểm nào của quyền lực giáo hoàng là một sự xuyên tạc Kinh Thánh nhằm thiết lập một cách giải thích riêng.

Chúng ta lại có lời tiên tri càng vững chắc hơn; anh em làm tốt khi chú ý đến lời ấy, như ngọn đèn chiếu soi trong nơi tối tăm, cho đến khi ngày rạng và sao mai mọc lên trong lòng anh em. Trước hết, phải biết điều này: chẳng có lời tiên tri nào trong Kinh Thánh do tự ý giải nghĩa. Vì lời tiên tri xưa kia chẳng hề đến bởi ý muốn loài người, nhưng những người thánh của Đức Chúa Trời đã nói ra khi được Đức Thánh Linh cảm thúc. 2 Phi-e-rơ 1:19-21.

Trong những năm tháng tình trạng Laodicea của Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm, đã có nhiều nhà thần học, mục sư và tác giả Cơ Đốc Phục Lâm lên tiếng về việc họ cho rằng cách áp dụng của Smith là đúng hay sai. Một mục sư người Úc, Louis Were, nay đã qua đời từ lâu, đã dành phần lớn chức vụ của mình để phản bác mô hình tiên tri sai lầm của Smith. Lý do ông phản đối không chỉ vì

rốt cuộc Smith xác định vị vua đi đến chỗ diệt vong trong câu bốn mươi lăm là Thổ Nhĩ Kỳ, mà còn vì lập trường của Smith cũng dẫn đến cách áp dụng sai về Armageddon. Vào thập niên 1980 hoặc khoảng đó, một tác giả Cơ Đốc Phục Lâm đã viết một cuốn sách tựa đề “Adventists and Armageddon, Have we Misunderstood Prophecy?” Tác giả là Donald Mansell, và cuốn sách vẫn còn có sẵn.

Mansell lần theo tiến trình lịch sử dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ nhất và Chiến tranh thế giới thứ hai, cho thấy rằng khi cả hai cuộc chiến ấy được nhìn nhận là đang đến gần, các nhà truyền giáo Phục Lâm bắt đầu sử dụng cách áp dụng sai lạc của Smith về việc Thổ Nhĩ Kỳ tiến quân đến Giê-ru-sa-lem theo nghĩa đen như một dấu hiệu của A-ma-ghe-đôn và tận thế. Ông chứng minh, qua sổ bộ hội viên của hội thánh, rằng khi mỗi cuộc chiến đến gần, nhiều người đã gia nhập Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm, dựa trên sự nhấn mạnh mang tính tiên tri của các nhà truyền giáo xuất phát từ quan điểm sai lầm của Smith về A-ma-ghe-đôn.

Khi mỗi cuộc chiến kết thúc và những dự đoán sai lầm không được ứng nghiệm, giáo hội đã mất nhiều tín hữu hơn số họ từng thu hút được nhờ mô hình tiên tri do Smith xây dựng.

Thông qua việc Smith bác bỏ thông điệp nền tảng của những người Millerite, và việc ông sẵn sàng thúc đẩy cách giải thích riêng của mình về các câu 36 đến 45 của sách Daniel, lập luận của Smith đã tạo ra một mô hình tiên tri dựa trên các sự kiện đương thời.

Trong cuộc tranh luận giữa Smith và James White về vị vua bị diệt vong trong câu cuối cùng của đoạn mười một sách Đa-ni-ên, James White đã đưa ra một lập luận súc tích phản ánh nền tảng tiên tri xây trên cát của Smith. White dạy rằng "lời tiên tri tạo ra lịch sử, nhưng lịch sử không tạo ra lời tiên tri."

Những nhà truyền giáo của phái Cơ Đốc Phục Lâm hoạt động trước cả hai cuộc chiến đã dựa vào những diễn biến lịch sử đang diễn ra để trình bày mô hình tiên tri về Armageddon khiếm khuyết của Smith, và công việc của họ, vốn có vẻ rất được ban phước trong thời gian dẫn đến các cuộc chiến, rốt cuộc đem lại kết quả rỗng là tổn thất khi mô hình tiên tri ấy được chứng minh là dựa trên một cách giải thích riêng.

Hãy coi chừng các tiên tri giả, những kẻ đến với anh em trong lột chiêm, nhưng bên trong là sỏi dữ tham tàn. Anh em sẽ nhận biết họ bởi quả của họ. Người ta há có hái nho nơi bụi gai, hoặc vả nơi cây kế sao? Cũng vậy, mọi cây tốt đều sinh quả tốt; còn cây xấu thì sinh quả xấu. Cây tốt không thể sinh quả xấu, cũng như cây xấu không thể sinh quả tốt. Cây nào không sinh quả tốt thì bị chặt đi và quăng vào lửa. Vậy, bởi quả của họ mà anh em sẽ nhận biết họ. Ma-thi-ơ 7:15-20.

Sự sẵn sàng của Smith trong việc quảng bá một mô hình tiên tri cá nhân về vị vua trong câu 36 đã dẫn đến việc đồng thời tạo ra một cách áp dụng sai lầm đối với Tai Vạ Thứ Sáu và Armageddon.

Và thiên sứ thứ sáu đổ bình của mình xuống sông lớn Euphrates; nước sông liền cạn khô, để dọn sẵn đường cho các vua từ phương đông. Và tôi thấy ba linh ô uế giống như ếch đi ra từ miệng con rồng, từ miệng con thú, và từ miệng tiên tri giả. Vì chúng là các linh của ma quỷ, làm các phép lạ, đi đến với các vua trên đất và khắp thế gian, để nhóm họ lại cho trận chiến

trong ngày trọng đại của Đức Chúa Trời Toàn Năng. Kìa, Ta đến như kẻ trộm. Phước cho người tỉnh thức và giữ gìn y phục mình, kéo đi trần truồng và người ta thấy sự hổ thẹn của mình. Và họ được nhóm lại tại một nơi gọi theo tiếng Hê-bơ-rơ là A-ma-ghe-đôn. Khải Huyền 16:12-16.

Như chúng ta đã chỉ ra trước đây, tai vạ thứ sáu xảy ra sau khi thời kỳ ân điển của loài người kết thúc, vì vậy lời cảnh báo về việc giữ gìn áo xống của mình phải ám chỉ một vấn đề thử nghiệm xảy ra trước khi Mi-ca-ên đứng dậy, trước khi thời kỳ ân điển của loài người khép lại, và trước khi tai vạ thứ nhất bắt đầu. Tai vạ thứ sáu xác định các hoạt động của con rồng, con thú và tiên tri giả, là liên minh ba bên sẽ kết hợp lại khi luật ngày Chủ nhật sắp đến được ban hành. Liên minh ba bên đó chính là Rô-ma hiện đại, và biểu tượng xác định và thiết lập liên minh ba bên của Rô-ma hiện đại chính là "bọn cướp của dân người," những kẻ "tự tôn mình để làm cho Khải tượng được ứng nghiệm" rồi "sẽ vấp ngã."

Lời cảnh báo của tai vạ thứ sáu, khi được hiểu, cho phép một linh hồn giữ áo xống của mình, nhưng nếu bị khước từ thì khiến linh hồn trở nên trần truồng, điều này là một trong năm đặc tính của người La-ô-đi-xê. Biểu tượng xác lập lời cảnh báo ấy là những kẻ cướp của dân người, những kẻ tự tôn cao mình và cuối cùng sụp đổ. Sa-lô-môn nói rằng nếu dân Đức Chúa Trời không có Khải tượng ấy, họ sẽ bị diệt vong.

Ở đâu không có Khải tượng, dân sự bị diệt vong; nhưng ai giữ luật pháp thì được phước. Châm Ngôn 29:18.

Từ tiếng Hê-bơ-rơ "perish" có nghĩa là "làm cho trần truồng", và Giăng đã chép: "Phước cho người tỉnh thức và giữ áo xống mình, kéo phải đi trần truồng và bị người ta thấy sự hổ thẹn của mình." Smith đã sai về Vua phương Bắc, và nền tảng tiên tri sai lầm đó cho phép ông phát triển một sự áp dụng tiên tri mà, nếu được chấp nhận, sẽ dẫn đến sự trần truồng, vốn là một biểu tượng của những người La-ô-đi-xê, những kẻ bị mưa ra khỏi miệng Chúa.

Smith không hề ngần ngại tranh luận chống lại James White, chồng của nữ tiên tri, để bảo vệ sự xác định mới nhưng sai lầm của ông về "Vua phương Bắc". Các sử gia Cơ Đốc Phục Lâm, cùng với Bà White, đã đề cập đến sự bất đồng nổi tiếng của họ. Ellen White đã quở trách cả chồng mình và Smith vì đã để cho sự khác biệt quan điểm của họ về việc "Vua phương Bắc" trong Đa-ni-ên đoạn mười một tượng trưng cho ai bị đưa ra công chúng. Trong ấn phẩm Cơ Đốc Phục Lâm đầu tiên ngay sau Sự Thất Vọng Lớn năm 1844, James White đã viết:

Rằng Chúa Giê-su đã đứng dậy, đóng cửa, và đến với Đấng Thượng Cổ để nhận lấy vương quốc của Ngài, vào tháng thứ bảy năm 1844, tôi hoàn toàn tin điều ấy. Xem Lu-ca 13:25; Ma-thi-ơ 25:10; Đa-ni-ên 7:13,14. Nhưng việc Mi-ca-ên đứng lên, theo Đa-ni-ên 12:1, dường như là một sự kiện khác, với một mục đích khác. Việc Ngài đứng dậy vào năm 1844 là để đóng cửa, và đến với Cha mình, để nhận lấy vương quốc và quyền năng để trị vì; nhưng sự đứng lên của Mi-ca-ên là để bày tỏ vương quyền mà Ngài đã có sẵn, trong sự hủy diệt kẻ ác và trong sự giải cứu dân Ngài. Mi-ca-ên sẽ đứng lên vào thời điểm khi quyền lực cuối cùng trong chương 11 đi đến chỗ kết thúc, và chẳng có ai giúp nó. Quyền lực này là quyền lực cuối cùng chà đạp Hội Thánh chân thật của Đức Chúa Trời; và vì Hội Thánh chân thật vẫn còn bị chà đạp và bị

toàn bộ thế giới Cơ Đốc giáo loại trừ, nên suy ra rằng quyền lực áp bức cuối cùng ấy chưa 'đi đến chỗ kết thúc'; và Mi-ca-ên vẫn chưa đứng lên. Quyền lực cuối cùng này, quyền lực chà đạp các thánh đồ, được nêu ra trong Khải Huyền 13:11-18. Số của nó là 666. James White, Một Lời Gửi Đến Bầy Nhỏ, 8.

Khi Smith giới thiệu cái gọi là “ánh sáng mới” về đề tài “quyền lực cuối cùng trong Đa-ni-ên đoạn mười một”, James White xem cách áp dụng của Smith không phải là ánh sáng mới, mà là một cuộc tấn công vào nền tảng. Cuộc tranh luận về việc Rô-ma là vua phương bắc trong Đa-ni-ên đoạn mười một, diễn ra giữa Uriah Smith và James White, có những đặc điểm cụ thể mà, với tư cách là những người nghiên cứu lời tiên tri, chúng ta cần xem xét cùng với các cuộc tranh luận khác trong lịch sử Phục Lâm liên quan đến biểu tượng của Rô-ma.

Một trong những đặc điểm ấy là việc đưa ra một lối giải thích riêng. Một đặc điểm khác là việc áp dụng lối giải thích riêng ấy đòi hỏi phải bóp méo các quy tắc ngữ pháp đơn giản, vì Smith không những đã bỏ qua rằng mọi đặc điểm tiên tri trong câu ba mươi sáu đều nói về La Mã, mà ông còn bỏ qua rằng cấu trúc ngữ pháp đòi hỏi vị vua trong câu ba mươi sáu phải là cùng một vị vua như được trình bày trong đoạn trước.

Một điều khác là sự tư giải ấy đã phủ nhận các lẽ thật nền tảng. Một điều khác là nó thể hiện sự chối bỏ thẩm quyền của Thần Linh của Lời Tiên Tri. Một đặc điểm khác là ý tưởng sai lầm đầu tiên liên quan đến La Mã sẽ dẫn đến một mô hình tiên tri khiến người ta không thể giữ áo xống mình khi họ tiến gần đến sự kết thúc thời kỳ ân điển của loài người. Một điều khác là sự sẵn lòng công khai quảng bá sự tư giải của ông. Một điều khác là sự tư giải ấy luôn luôn được xem như ánh sáng mới. Tất cả những đặc điểm này đều được thể hiện trong cuộc thảo luận hiện nay về "những kẻ cướp của dân người."

Khi cuộc tranh luận cuối cùng của La Mã, vốn được tiêu biểu bởi cuộc tranh luận đầu tiên của La Mã xác định “những kẻ cướp dân người”, được đem kết hợp với dòng tiên tri về cuộc tranh luận giữa Uriah Smith và James White, chúng ta sẽ thấy rằng một nhóm người sẽ xây dựng mô hình tiên tri của họ trên một cách giải nghĩa riêng, vốn bác bỏ lẽ thật nền tảng.

Sự bác bỏ các lẽ thật nền tảng mặc nhiên là sự bác bỏ thẩm quyền của Thần Linh của Lời Tiên Tri, Đấng đã bảo vệ các lẽ thật nền tảng ấy một cách vững chắc. Hạng người đó cũng sẽ sẵn lòng công khai trình bày quan điểm của mình, bất chấp mọi quan ngại có thể được nêu ra về tác động mà giáo huấn ấy có thể gây đối với dân sự của Đức Chúa Trời trên khắp thế giới.

Ngay sau năm 1844, trong thế hệ thứ nhất của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm, một cuộc tranh luận khác về Rô-ma đã được đưa ra. Cuộc tranh luận ấy tiếp tục được khuấy động cho đến khi quan điểm sai lầm được chấp nhận trong thế hệ thứ ba của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm. Chúng ta sẽ xem xét cuộc tranh luận về “daily” như dòng thứ tư trong số sáu dòng mà chúng ta hiện đang xem xét theo mô hình “line upon line”.

Nhưng trước khi chúng ta bàn đến dòng thứ tư của những cuộc tranh luận về Rô-ma, cần nhớ rằng trong bài viết trước, khi chúng ta bàn về câu mười của chương mười một sách Đa-ni-ên, chúng ta đã nói: “Câu mười cũng kết nối trực tiếp ‘bảy lần’ của Lê-vi Ký chương hai mươi sáu với lịch sử

được giấu kín, nhưng mạch mẽ thật ấy nằm ngoài điều chúng ta đang trình bày ở đây.”

Năm 1863, Uriah Smith là người dẫn đầu trong việc bác bỏ bảy thời kỳ. Trước đó ông đã khước từ sự gia tăng hiểu biết về đề tài ấy, vốn được trình bày trong các bài viết do Hiram Edson chấp bút và đăng trên tờ Review năm 1856. Những hệ quả của việc Smith có liên hệ với một phong trào đã trình bày về bảy thời kỳ, nhưng rồi lại khước từ sự gia tăng hiểu biết về chính đề tài ấy, cũng nằm ngoài phạm vi bàn luận về các đặc điểm trong việc ông giới thiệu cái mà ông cho là ánh sáng mới về đề tài vua phương bắc. Tuy nhiên, khi kết thúc phần tổng quan của chúng ta về chuỗi tranh luận của giới Cơ Đốc Phục Lâm liên quan đến Rôma, chúng ta sẽ trở lại cả với ý nghĩa của câu mười của chương mười một sách Đa-ni-ên, và với điều mà việc Smith khước từ sứ điệp La-ô-đi-xê, vốn đến vào năm 1856 cùng với sự gia tăng hiểu biết về bảy thời kỳ, biểu thị.

“Đức tin của chúng ta liên quan đến các sứ điệp của thiên sứ thứ nhất, thứ hai và thứ ba là đúng. Những móc lớn mà chúng ta đã đi qua là bất di bất dịch. Dầu cho các đạo binh của địa ngục có tìm cách nhổ chúng khỏi nền tảng, và đặc ý trong ý nghĩ rằng họ đã thành công, thì họ vẫn không thành công. Những trụ cột của lẽ thật này đứng vững như những đồi núi vĩnh hằng, không lay chuyển trước mọi nỗ lực của loài người kết hợp với Sa-tan và đạo binh của hắn. Chúng ta có thể học được nhiều điều, và nên không ngừng tra cứu Kinh Thánh để xem những điều ấy có phải như vậy hay không.” Evangelism, 223.

"Những cột mốc lớn của chân lý, cho chúng ta định hướng trong lịch sử tiên tri, phải được gìn giữ cẩn thận, kéo chúng bị phá bỏ và bị thay thế bằng các lý thuyết sẽ mang lại sự rối rắm thay vì ánh sáng chân thật." Những Sứ điệp Được Chọn, quyển 2, trang 101, 102.

"Vào thời điểm này, nhiều nỗ lực sẽ được thực hiện nhằm làm lung lay đức tin của chúng ta về vấn đề đền thánh; nhưng chúng ta không được dao động. Không được xê dịch dù chỉ một mảy may khỏi nền tảng đức tin của chúng ta. Chân lý vẫn là chân lý. Những ai trở nên không chắc chắn sẽ trôi dạt vào những lý thuyết sai lạc, và cuối cùng sẽ thấy mình trở nên vô tín đối với những bằng chứng trong quá khứ mà chúng ta đã có về điều gì là chân lý. Những móc chỉ đường xưa phải được giữ gìn, để chúng ta không mất phương hướng." Manuscript Releases, tập 1, 55